

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÀNG LONG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-02-2022.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và  
tranh chấp quyền nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Trúc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Nguyễn Văn Xuôi.

2/. Ông Đặng Huỳnh Tâm.

***Thư ký phiên tòa:*** bà Trần Thị Cẩm Thu –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cà Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Long tham gia phiên tòa:*** ông Phạm Văn Tính-Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cà Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** chị Lâm Thị U, sinh năm 1984 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***Bị đơn:*** anh Phạm Trường G, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***Con chung của của chị U và anh G tên:*** Lâm Thị Phương T, sinh ngày 12/11/2004.

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lâm Thị U trình bày:*** Chị và anh G đã quen biết nhau, tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình chị và anh G đã đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C vào ngày 10/3/2003, nữ trang ngày cưới gồm 03 chỉ vàng 24kra và 01 chỉ vàng 18kra, số nữ trang này vợ chồng đã bán hết để lo làm ăn nên hiện nay không còn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 3 năm

2004 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình nên thường xảy ra cự cãi, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, vào khoảng tháng 3 năm 2004, chị bỏ về nhà cha ruột sống và vợ chồng đã ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung tên Lâm Thị Phương T, sinh ngày 12/11/2004 hiện đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Phạm Trường G.
- Về con chung tên: Lâm Thị Phương T, sinh ngày 12/11/2004 hiện đang sống chung với chị, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con sống với ai người đó nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Trường G là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

*Tại biên bản lấy lời khai cháu Lâm Thị Phương T là con của chị U và anh G trình bày:* Cháu là con của bà Lâm Thị U và ông Phạm Trường G, cháu đang học lớp 12, trường phổ thông trung học Nguyễn Văn H, hiện đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Lâm Thị U.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Phạm Trường G vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lâm Thị U là nguyên đơn, cháu Lâm Thị Phương T là con của chị U và anh G vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đối với anh Phạm Trường G là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn anh Phạm Trường G chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể anh Phạm Trường G không có mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Lâm Thị U.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lâm Thị U và anh Phạm Trường G được ly hôn.

- Về con chung: Chị Lâm Thị U được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Thị Phương T, sinh ngày 12/11/2004.

Anh Phạm Trường G được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc chị Lâm Thị U có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên Tòa hôm nay chị Lâm Thị U là nguyên đơn, cháu Lâm Thị Phương T là con của chị U và anh G vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đối với anh Phạm Trường G là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

**Về xác định quan hệ tranh chấp:** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân của chị Lâm Thị U và anh Phạm Trường G được xác lập vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C vào ngày 10/3/2003 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị U và anh G là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị U cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 3 năm 2004 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình nên thường xảy ra cự cãi, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, vào khoảng tháng 3 năm 2004, chị bỏ về nhà cha ruột sống và vợ chồng đã ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay.

Qua xác minh chính quyền địa phương anh Phạm Trường G đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 2004 đến nay không có về địa phương, chị U có làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh G mất tích nhưng đến nay vẫn không có tin tức của anh G.

Nay chị U xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và yêu cầu được ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị U và anh G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị U là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**[2.2] Về con chung tên:** Lâm Thị Phương T, sinh ngày 12/11/2004 hiện đang sống chung với chị U, theo lời trình bày của chị U thống nhất theo nguyện vọng của cháu Phương T sống với ai người đó nuôi dưỡng, mặt khác theo nguyện vọng của cháu Phương T muốn được sống với chị U, từ đó nghĩ nên giao chị U được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Thị Phương T sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh Phạm Trường G có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

**[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Lâm Thị U chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung:** Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

**[2.5] Về án phí:** Chị Lâm Thị U có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Chị Lâm Thị U.**

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lâm Thị U và anh Phạm Trường G được ly hôn.

- Về con chung: Chị Lâm Thị U được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Thị Phương T, sinh ngày 12/11/2004.

Anh Phạm Trường G được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- **Về án phí:** Chị Lâm Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006482, ngày 21/10/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, chị Lâm Thị U đã nộp đủ tiền án phí, anh Phạm Trường G không phải nộp án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Lê Thị Trúc Linh**